**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÁO CÁO**

**CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC LOGISTICS**

**Số tháng 6/2018**

**THUỘC NHIỆM VỤ**

**“Xây dựng Hệ thống cung cấp, kết nối thông tin, dữ liệu logistics   
giai đoạn 2017-2020”**

**Hà Nội, 2018**

**MỤC LỤC**

[**1.** **Các quy định, chính sách chung về logistics** 2](#_Toc519434320)

[***1.1.*** ***Phân tích áp dụng các quy định mới về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; hồ sơ hải quan và xử lý đối với tồn kho nguyên liệu gia công, sản xuất hàng xuất khẩu*** 2](#_Toc519434321)

[***1.2.*** ***Tổng hợp điều kiện kinh doanh các lĩnh vực logistics sau khi được tinh giản:*** 3](#_Toc519434322)

[***1.2.1.*** ***Điều kiện kinh doanh kho ngoại quan:*** 3](#_Toc519434323)

[***1.2.2.*** ***Điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế*** 4](#_Toc519434324)

[***1.2.3.*** ***Điều kiện cộng nhận địa điểm chuyển phát nhanh*** 5](#_Toc519434325)

[**2.** **Về hạ tầng phục vụ logistics:** 7](#_Toc519434326)

[***2.1.*** ***Những nội dung liên quan đến logistics trong nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế mở Chu Lai-tỉnh Quảng Nam :*** 7](#_Toc519434327)

[***2.2.*** ***Thành phố Hồ Chí Minh tăng phí đỗ ô tô dưới lòng đường*** 9](#_Toc519434328)

[***2.3.*** ***Quy trình bảo trì và vận hành khai thác công trình đường bộ*** 9](#_Toc519434329)

[**3.** **Về vận tải:** 11](#_Toc519434330)

[***3.1. Quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông*** 11](#_Toc519434331)

[***3.2. Quyền và nghĩa vụ của người nhận hàng trong vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia*** 13](#_Toc519434332)

**NỘI DUNG BÁO CÁO**

1. **Các quy định, chính sách chung về logistics**
   1. ***Phân tích áp dụng các quy định mới về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; hồ sơ hải quan và xử lý đối với tồn kho nguyên liệu gia công, sản xuất hàng xuất khẩu***

Trong thời gian qua, đã có nhiều quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu....và các nội dung liên quan đến hoạt động logistics được điều chỉnh hoặc ban hành mới cho phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu khách quan về tăng cường năng lực thương mại, khả năng cạnh trannh của hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam.

Những thay đổi này đã thu hút sự quan tâm rộng rãi của cộng đồng doanh nghiệp. Trong đó có những nội dung trong thông tư 39/2018/TT-BTC, có thể được hiểu rõ hơn như sau:

Về hồ sơ hải quan, Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định phương thức nộp hồ sơ hải quan điện tử sẽ trở thành phương thức nộp hồ sơ hải quan chủ yếu. Hồ sơ hải quan sẽ được người khai hải quan nộp dưới dạng điện tử (bản scan có gắn chữ ký số) ngay khi thực hiện đăng ký tờ khai hải quan.

Như vậy, người khai hải quan không cần phải chuẩn bị bộ hồ sơ hải quan dưới dạng giấy và mang đến cơ quan Hải quan để nộp như hiện tại. Phân biệt cụ thể hồ sơ hải quan người khai hải quan cần nộp cho cơ quan Hải quan khi làm thủ tục hải quan với hồ sơ hải quan người khai hải quan cần phải lưu giữ tại trụ sở của người khai hải quan để xuất trình khi cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra, thanh tra.

Để đảm bảo tính thống nhất trong khai báo và điện tử hóa hơn nữa việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử ngoài các nguyên tắc khai hải quan đã quy định tại Điều 19 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC bổ sung một số nguyên tắc mới liên quan đến khai hải quan.

Việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, khai thay đổi mục đích sử dụng cũng có nhiều quy định mới. Chẳng hạn thủ tục khai bổ sung được thực hiện hoàn toàn thông qua Hệ thống, không phải nộp đề nghị dưới dạng bản giấy như hiện tại.

Việc đăng ký, phân luồng tờ khai và xử lý tờ khai hải, hay quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý hàng hóa gia công, SXXK, hàng hóa của DNCX cũng có nhiều quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC.

Bên cạnh đó tại Thông tư 39/2018/TT-BTC nhiều quy định liên quan đến thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK đã được sửa đổi, bổ sung như: Vấn đề kiểm tra, xác định trị giá hải quan; về thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế; thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

Về việc xử lý đối với tồn kho nguyên liệu gia công, sản xuất xuất khẩu.  Trường hợp DN thuê kho lưu giữ nguyên liệu, vật tư ngoài cơ sở sản xuất thì trước khi đưa nguyên liệu, vật tư sản phẩm đến địa điểm lưu giữ, tổ chức, cá nhân phải thông báo địa điểm lưu giữ cho chi cục hải quan quản lý thông qua hệ thống. Điều này được quy định rõ tại Khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC (Khoản này sửa đổi, bổ sung Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC).

Đối với tồn kho nguyên liệu gia công, Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định rõ trách nhiệm của cơ quan Hải quan khi kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa XK, phải xác định nguyên nhân xảy ra tình trạnh nguyên liệu chênh lệch âm, dương, từ đó xác định được lỗi của DN thì mới chấp nhận giải trình của DN hay không. Điều này giảm tình trạng chênh lệch âm, dương nguyên liệu mà không xác định được nguyên nhân.

* 1. ***Tổng hợp điều kiện kinh doanh các lĩnh vực logistics sau khi được tinh giản:***

Trước những yêu cầu khách quan của nền kinh tế về việc tinh giản các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực logistics nói riêng và nền kinh tế nói chung, thời gian qua các cấp ngành đã nỗ lực rà soát và tinh giản các điều kiện kinh doanh không cần thiết hoặc không còn phù hợp với bối cảnh mới. Sau đây là một số điều kiện kinh doanh liên quan đến lĩnh vực logistics sau khi đã được cắt giảm, điều chỉnh cho phù hợp:

* + 1. ***Điều kiện kinh doanh kho ngoại quan:***

(1) Khu vực đề nghị công nhận kho ngoại quan phải nằm trong các khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật hải quan; khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước; địa bàn ưu đãi đầu tư; khu vực phục vụ hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản sản xuất tập trung.

(2) Kho ngoại quan được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan, trừ kho nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh.

(3) Bảo đảm điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như nơi làm việc, nơi kiểm tra hàng hóa, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa tang vật vi phạm theo quy định của Bộ Tài chính.

(4) Kho ngoại quan phải có diện tích tối thiểu 5.000 m2 (bao gồm nhà kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó khu vực kho chứa hàng phải có diện tích từ 1.000 m2 trở lên. Đối với kho ngoại quan chuyên dùng để lưu giữ một hoặc một số chủng loại hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt thì phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2 hoặc thể tích chứa hàng tối thiểu 1.000 m3. Riêng đối với kho ngoại quan nằm trong khu vực cảng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2. Bãi ngoại quan chuyên dùng phải có diện tích tối thiểu 10.000 m2, không yêu cầu diện tích kho.

(5) Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong kho ngoại quan theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;

b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

(6) Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quan sát được các vị trí trong kho ngoại quan. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);

b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;

c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát.

* + 1. ***Điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế***

(1). Vị trí đặt cửa hàng miễn thuế

a) Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển loại 1; trong khu vực cách ly và khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế;

b) Trong nội địa;

c) Trên tàu bay thực hiện các chuyến bay quốc tế của hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

d) Kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế hoặc trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế hoặc thuộc địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu theo quy định tại Điều 8 Nghị định 01/2015/NĐ-CP.

(2) Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong cửa hàng miễn thuế theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;

b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

3. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quan sát được các vị trí trong kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);

b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;

c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh bán hàng miễn thuế về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát.

* + 1. ***Điều kiện cộng nhận địa điểm chuyển phát nhanh***

(1) Vị trí

a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung ở các khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu;

b) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh nằm trong quy hoạch khu vực sân bay quốc tế theo quy định của pháp luật;

c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực cửa khẩu biên giới đất liền. Trường hợp nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì cách khu vực cửa khẩu không quá 10 km.

(2) Diện tích

a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung có diện tích tối thiểu 10.000 m2;

b) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh có diện tích tối thiểu 5.000 m2; địa điểm kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính có diện tích tối thiểu 1.000 m2;

c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới có diện tích tối thiểu 5.000 m2.

(3) Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh;

b) Đảm bảo điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như nơi làm việc, nơi kiểm tra hàng hóa, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa tang vật vi phạm theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:

- Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong địa điểm.

- Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

d) Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:

- Quan sát được các vị trí trong địa điểm. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ).

- Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng.

- Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

Theo quy định của Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh địa điểm về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát.

1. **Về hạ tầng phục vụ logistics:** 
   1. ***Những nội dung liên quan đến logistics trong nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế mở Chu Lai-tỉnh Quảng Nam :***

Quyết định số 663/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về  Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đặt mục tiêu xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai thành khu vực phát triển kinh tế năng động, bền vững; là trung tâm phát triển du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp, logistics và sản xuất nông nghiệp của vùng và khu vực, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng; trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh Quảng Nam; có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả;

Đây sẽ là một trong các đầu mối về giao thông vận tải, giao thương và giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên; cửa ngõ kết nối ra biển Đông của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan.

Theo đó những nội dung liên quan đến giao thông vận tải, logistics được xác định như sau:

Phát triển mạng lưới giao thông kết nối đa phương tiện giữa hệ thống giao thông đối nội với giao thông đối ngoại, tổ chức các tuyến đường bộ đường sắt, đường thủy, đường hàng không đáp ứng nhu cầu vận tải tăng cao của Khu kinh tế.

+ Xác định mối liên kết trong chiến lược phát triển giao thông của quốc gia, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng tỉnh Quảng Nam về đường bộ, đường sắt và đường hàng không, các giải pháp kết nối. Phân tích mô hình phát triển mạng lưới giao thông, tổ chức phân loại, phân cấp các tuyến giao thông, đảm bảo kết nối với các tuyến giao thông đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, cụ thể:

* Giao thông đường hàng không: Nghiên cứu quy hoạch, sân bay trung chuyển hành khách, trung chuyển hàng hóa và hậu cần ngành hàng không đến năm 2050.
* Giao thông hàng hải và đường thủy nội địa: Nghiên cứu quy hoạch cảng biển Chu Lai - Kỳ Hà trở thành cảng loại I; bố trí các luồng lạch ra vào cho tàu thuyền vận tải, tàu thuyền nghề cá, du lịch và các hoạt động khác; nghiên cứu đề xuất phương án bố trí cảng cạn kết hợp với trung tâm logistics.
* Giao thông đường sắt: Quy hoạch các ga và tuyến giao thông đường sắt đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa của khu kinh tế.
* Giao thông đường bộ: Xây dựng giải pháp quy hoạch, đầu tư để đảm bảo giao thông đối ngoại và đối nội; bổ sung quy hoạch các tuyến kết nối mới.
* Xác định vị trí và quy mô các công trình giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật.
* Phát triển giao thông công cộng đô thị theo hướng tiên tiến và hiệu quả, hình thành tuyến đường sắt nhẹ vận chuyển hành khách kết nối thuận lợi với Hội An, sân bay Chu Lai và khu kinh tế Dung Quất, các loại hình xe buýt nhanh.

Về tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán kinh phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai. Bộ Xây dựng hướng dẫn địa phương trong quá trình lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định pháp luật.

* 1. ***Thành phố Hồ Chí Minh tăng phí đỗ ô tô dưới lòng đường***

Theo Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐND do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành, TP Hồ Chí Minh áp dụng mức phí đỗ ô tô dưới lòng đường mới từ ngày 1/6/2018,. Mức phí này tăng từ 4 - 8 lần so với trước đây.

Cụ thể, mức phí đỗ ô tô dưới lòng đường với ô tô đến 09 chỗ tại khu vực quận 1, quận 3, quận 5 từ 25.000 đồng/giờ - 35.000 đồng/giờ; tại khu vực quận 10 và quận 11 từ 20.000 đồng/giờ - 30.000 đồng/giờ.

Mức phí đỗ ô tô dưới lòng đường với ô tô từ 10 chỗ đến 16 chỗ tại khu vực quận 1, quận 3, quận 5 từ 30.000 đồng/giờ - 40.000 đồng/giờ; tại khu vực quận 10 và quận 11 từ 25.000 đồng/giờ - 35.000 đồng/giờ.

Người đỗ xe thanh toán qua các hình thức: Nhắn tin trừ tiền trong tài khoản điện thoại, thẻ thanh toán quốc tế, thẻ thanh toán nội địa…, không sử dụng tiền mặt để thanh toán.

Quy định mới này được kỳ vọng sẽ góp phần giảm ách tắc giao thông, hạn chế các phương tiện cá nhân, đặc biệt trong các giờ cao điểm.

* 1. ***Quy trình bảo trì và vận hành khai thác công trình đường bộ***

Bảo trì và vận hành khai thác các công trình đường bộ một cách hiệu quả, bền vững là một trong những yêu cầu quan trọng cho năng lực cạnh tranh của ngành vận tải đường bộ, góp phần tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa (đặc biệt trong bối cảnh vận chuyển đường bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong vận chuyển hàng hóa nội địa của Việt Nam). Ngoài ra, điều này cũng góp phần quan trọng cho việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, ổn định sinh kế ở các khu vực quanh các đường quốc lộ và hạn chế bức xúc của người dân về sự xuống cấp hoặc không hiệu quả của các công trình đường bộ.

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số [32/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-32-2014-nd-cp-quan-ly-khai-thac-bao-tri-cong-trinh-duong-cao-toc-227095.aspx) ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác và bảo trì đường cao tốc, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư Số: 37/2018/TT-BGTVT ngày 7 tháng 6 năm 2018 quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Theo đó:

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình đường bộ

a) Nhà thầu thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước), nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 hoặc 2 bước) có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng nếu có trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình (bao gồm trạm giao dịch thanh toán đối với các phương tiện sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh, trạm kiểm tra tải trọng xe, hệ thống quản lý giám sát giao thông và các công trình có thiết bị khác) có trách nhiệm bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình;

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị quy định tại điểm a và điểm b khoản này không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn.

2. Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình đường bộ.

3. Không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình đường bộ cấp III trở xuống, công trình tạm. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình vẫn phải thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình riêng.

5. Các công trình bắt buộc phải có quy trình vận hành khai thác gồm có:

a) Cầu quay, cầu cất, cầu có sử dụng thiết bị nâng, hạ nhịp cầu;

b) Bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ;

c) Hầm đường bộ có sử dụng thiết bị thông gió, thiết bị vận hành khai thác;

d) Trạm giao dịch thanh toán đối với các phương tiện sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh;

đ) Trạm kiểm tra tải trọng xe cố định;

e) Hệ thống quản lý và giám sát giao thông;

g) Các công trình khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ.

1. **Về vận tải:**

***3.1. Quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông***

Thông tư số 50/2018/TT-BCT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2018quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông theo quy định tại Nghị định số [59/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/nghi-dinh-59-2018-nd-cp-sua-doi-08-2015-nd-cp-huong-dan-luat-hai-quan-thu-tuc-kiem-tra-hai-quan-352565.aspx) ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

Theo đó, một số nội dung quan trọng liên quan đến các hoạt động logistics như sau:

1. Hồ sơ khai báo đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường biển thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia bao gồm:

a) Bản khai chung;

b) Bản khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường biển;

c) Vận đơn chủ;

d) Vận đơn thứ cấp;

đ) Danh sách thuyền viên;

e) Danh sách hành khách;

g) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;

h) Bản khai hàng hóa nguy hiểm;

i) Bản khai dự trữ của tàu;

k) Mẫu số 1: Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng;

2. Các chỉ tiêu thông tin của các chứng từ khai báo đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu đường hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (Phụ lục II). Bao gồm:

a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường hàng không;

b) Thông tin về vận đơn chủ/Vận đơn thứ cấp;

c) Danh sách hành khách (Passenger List);

d) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;

đ) Thông tin về đặt chỗ của hành khách (thông tin PNR);

3. Mẫu chứng từ giấy để thực hiện khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường hàng không (Phụ lục III). Bao gồm:

a) Mẫu số 1: Bản khai hàng hóa;

b) Mẫu số 2: Thông tin vận đơn chủ;

c) Mẫu số 3: Vận đơn thứ cấp;

d) Mẫu số 4: Danh sách tổ lái, nhân viên trên tàu và hành khách;

đ) Mẫu số 5: Danh sách hành lý ký gửi;

e) Mẫu số 6: Danh sách đặt chỗ;

4. Mẫu chứng từ giấy để thực hiện khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường sắt (Phụ lục IV), bao gồm:

a) Mẫu số 1: Danh sách hành khách;

b) Mẫu số 2: Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga đường sắt liên vận quốc tế;

c) Mẫu số 3: Bản trích lược khai hàng hóa xuất khẩu tại ga đường sắt liên vận quốc tế;

d) Mẫu số 4: Biên bản bàn giao hàng hóa nhập khẩu vận chuyển về ga liên vận nội địa;

đ) Mẫu số 5: Biên bản bàn giao hàng hóa xuất khẩu vận chuyển đến ga liên vận biên giới;

5. Mẫu chứng từ giấy để thực hiện khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu biên giới đường sông (Phụ lục V), bao gồm:

a) Mẫu số 1: Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất;

b) Mẫu số 2: Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập;

c) Mẫu số 3: Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất;

d) Mẫu số 4: Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập;

6. Mẫu chứng từ giấy để khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường biển: Thực hiện theo Mẫu các văn bản sử dụng trong hoạt động hàng hải ban hành kèm theo Nghị định số [58/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-58-2017-nd-cp-huong-dan-bo-luat-hang-hai-viet-nam-quan-ly-khai-thac-hoat-dong-hang-hai-349159.aspx) ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

***3.2. Quyền và nghĩa vụ của người nhận hàng trong vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia***

Theo quy định của Bộ Giao thông vận tải tại Thông tư số 22/2018/TT-GTVT về vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia, người nhận hàng có thể là người thuê vận tải hoặc là người thứ ba được người thuê vận tải chỉ định nhận hàng hóa. Người nhận hàng có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của người nhận hàng:

a) Kiểm tra số lượng, chất lượng, niêm phong của số hàng hóa được vận chuyển đến;

b) Nhận hàng hóa được vận chuyển đến;

c) Được yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa bị mất mát, giảm khối lượng, hư hỏng hoặc giảm chất lượng do lỗi của doanh nghiệp;

d) Yêu cầu giám định hàng hóa khi cần thiết.

2. Nghĩa vụ của người nhận hàng:

a) Khi nhận được tin báo hàng đến, người nhận hàng phải đến ga nhận hàng hóa trong thời hạn và thực hiện những nội dung quy định tại Điều 19 và Điều 35 Thông tư này;

b) Xuất trình hóa đơn gửi hàng hóa và các giấy tờ khác để chứng minh quyền nhận hàng hóa của mình;

c) Chịu chi phí xếp, dỡ hàng hóa nếu trong hợp đồng không có thỏa thuận khác;

d) Thanh toán chi phí phát sinh do việc chậm tiếp nhận hàng hóa;

đ) Thông báo cho doanh nghiệp biết về việc nhận đủ hàng hóa và các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của doanh nghiệp; nếu không thông báo thì không có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo vệ quyền, lợi ích liên quan đến hàng hóa của mình.